

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Tơ Lul.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1968.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Vinh, xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Pal, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 05, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Phú Vinh, xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình thì bà Bùi Thị P và ông Trần Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G năm 1991, sau đó do bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên bà và ông H đăng ký kết hôn lại vào ngày 08/5/2013 cũng tại Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vì bất đồng quan điểm từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa. Hiện nay vợ chồng bà đã sống ly thân từ hơn một năm qua. Bà Bùi Thị P cảm thấy quan hệ hôn nhân này có kéo dài thì cũng không có hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, bà Bùi Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà Bùi Thị P và ông Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Bích Ngọc, sinh năm 20/10/1991 và Trần Quang Hùng, sinh ngày 24/10/1994. Hiện tại hai con đã thành niên và có khả năng tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về người nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Tại bản tự khai đề ngày 08/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H công nhận đúng như bà Bùi Thị P vừa trình bày về việc kết hôn. Giữa ông và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống. Ông và bà P đã không còn sống chung với nhau hơn một năm nay, tuy nhiên ông cho rằng cả ông và bà P đã lớn tuổi, nếu ly hôn thì tình cảm giữa các thành viên trong gia đình sẽ mất đi, với lại giữa ông và bà P chưa giải quyết xong với nhau về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do vậy, ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị P.

Về con chung: Ông Trần Văn H và bà Bùi Thị P có 02 con chung là Trần Thị Bích Ngọc, sinh ngày 20/10/1991 và Trần Quang Hùng, sinh ngày 24/10/1994. Hiện tại hai con đã thành niên và có khả năng tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về người nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hiện nay ông Trần Văn H và bà Bùi Thị P có nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh G - Phòng giao dịch C số tiền 250.000.000 đồng và Ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh C số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng. Nếu trả hết tổng số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng thì ông Trần Văn H chấp nhận ly hôn với bà Bùi Thị P còn chưa giải quyết xong về tài sản chung và nợ chung thì ông không đồng ý giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo và giải thích về quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung nhưng ông cương quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử. Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị P được ly hôn với ông Trần Văn H; Về con chung và về tài sản chung, nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/11/2019, nguyên đơn bà Bùi Thị P có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn ông Trần Văn H và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của bà Bùi Thị P đúng quy định, ông Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 05, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Tuy nhiên chỗ ở hiện nay của ông H là ở Thôn Phú Vinh, xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn H và bà Bùi Thị P có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị P, ông Trần Văn H thấy rằng: Bà Bùi Thị P và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G năm 1991, nhưng do bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên bà và ông H đăng ký kết hôn lại vào ngày 08/5/2013 cũng tại Ủy ban nhân dân xã Ia Băng, huyện C, tỉnh G nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả hai ông bà đều thừa nhận là ông bà đã không chung sống với nhau một thời gian dài và trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà P cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có kết quả nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về phía ông H thừa nhận cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà P vì hiện nay giữa ông và bà P chưa giải quyết xong về tài sản chung và nghĩa chung nên ông không đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị P.

Kết quả xác minh về mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Bùi Thị P, ông Trần Văn H tại nơi cư trú thể hiện bà Bùi Thị P, ông Trần Văn H hiện nay đã không còn chung sống với nhau, nguyên nhân vì sao họ sống ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng thể

nào thì địa pH nơi cư trú trước đây của ông H và bà P không biết nên không cung cấp được cho Tòa án.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên bà Bùi Thị P rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với ông H nhưng bà P kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H vì bản thân bà P hiện không còn tình cảm với ông H có tiếp tục chung sống với nhau sẽ không có hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bên đương sự cùng với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đều đã thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông H là có thật, phát sinh từ sự không hiểu và không đồng cảm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn này kéo dài và tích tụ qua thời gian nhưng cả hai bên vợ chồng không ai có biện pháp gì tích cực và có hiệu quả để cải thiện tình cảm, vợ chồng không còn lòng tin và yêu thương nhau nữa, cả hai đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay, nên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà P và ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc giữa bà P và ông H là không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà P về việc được ly hôn với ông H là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị P và ông Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Bích Ngọc, sinh năm 20/10/1991 và Trần Quang Hùng, sinh ngày 24/10/1994. Hiện tại hai con đã thành niên và có khả năng tự lập nên bà P và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về người nuôi con và cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Bùi Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Văn H yêu cầu bà Bùi Thị P phải có trách nhiệm cùng với ông trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh G - Phòng giao dịch C số tiền 250.000.000 đồng và Ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh C số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông H biết các quyền của mình và ra thông báo cho ông Trần Văn H về việc làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung khi ly hôn nhưng ông H không làm đơn. Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết các quan hệ này. Các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà P là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị P được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002717 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh G; bà Bùi Thị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- UBND xã Ia Blang, huyện C, tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nay Lu Vinh